TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Anh Đức;

Bà Nguyễn Thị Minh Phương.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trần Thị V; nơi cư trú: tổ dân phố BP, thị trấn HC, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc - Có mặt.

- *Bị đơn:* anh Bùi Ngọc Đ; ĐKHKTT: thôn N, xã NB, huyện LN, tỉnh Hà Nam; nơi tạm trú: số 47B/36 CT, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-10-2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:

Chị Trần Thị V và anh Bùi Ngọc Đ xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC (nay là thị trấn HC), huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49/2019,

ngày 09-9-2019. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, anh Đ sa vào tệ nạn xã hội. Mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 9 năm 2022 đến nay, chị V và anh Đ đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Do đó, chị V đề nghị Tòa án nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị V được ly hôn với anh Đ theo quy định của pháp luật.

Về con chung: chị V và anh Đ có 01 con chung là: Bùi Ngọc Đ, sinh ngày 25-12-2019. Hiện tại, chị V đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc Đ. Khi ly hôn, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Ngọc Đ cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, chị Vân không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Ngọc Đ sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án đã gửi tài liệu trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị V. Anh Đ cho rằng, giữa anh Đ và chị V không có mâu thuẫn, 02 vợ chồng chưa hề to tiếng, vợ chồng yêu thương nhau. Khoảng tháng 6 năm 2022, do nghe theo bạn bè nên anh Đ mất số tiền hơn 400.000.000 đồng. Chị V và gia đình đã chi trả số tiền anh Đ bị mất. Tháng 9 năm 2022, chị V đưa con về quê ngoại và nói không trở về Hải Phòng. Anh Đ và gia đình đã lên Vĩnh Phúc để hòa giải cho 02 vợ chồng nhưng chị V không đồng ý. Sau đó anh Đ bế con để đưa về Hải Phòng thì chị V ngăn cản, do nóng tính nên anh Đ đã đánh chị V. Sau đó anh Đ cảm thấy hối hận về những việc sai trái bản thân đã làm. Hiện tại, anh Đ vẫn còn tình cảm với chị V, mong muốn được đoàn tụ gia đình nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Bùi Ngọc Đ, sinh ngày 25-12-2019 cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, anh Đ và chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên

đơn, bị đơn tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: chị Trần Thị V và anh Bùi Ngọc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC (nay là thị trấn HC), huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49/2019, ngày 09-9-2019 nên hôn nhân giữa chị V và anh Đ là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị V, anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, anh Đ sa vào tệ nạn xã hội. Từ tháng 9 năm 2022 đến nay, chị V và anh Đ đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: chị Trần Thị V được ly hôn với anh Bùi Ngọc Đ; về con chung: giao con chung là Bùi Ngọc Đ, sinh ngày 25-12-2019 cho chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Bùi Ngọc Đ thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con chung: do chị V và anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung: chị Trần Thị V và anh Bùi Ngọc Đ không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Đơn khởi kiện, Sổ tạm trú thể hiện: anh Bùi Ngọc Đ đăng ký tạm trú và thường xuyên sinh sống tại số 47B/36 CT, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là chị Trần Thị V với bị đơn là anh Bùi Ngọc Đ thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận HB, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị V và anh Bùi Ngọc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC (nay là thị trấn HC), huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số

49/2019, ngày 09-9-2019 nên quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn:

[3.1] Chị Trần Thị V cho rằng quá trình chung sống, giữa chị V và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, anh Đ sa vào tệ nạn xã hội. Mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 9 năm 2022 đến nay, chị V và anh Đ đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Do vậy, chị V làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận HB, giải quyết cho chị V được ly hôn với anh Đ theo quy định của pháp luật.

[3.2] Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Ngọc Đ sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án đã gửi tài liệu trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị V; lời khai trong quá trình Tòa án lập biên bản làm việc thể hiện: giữa anh Đ và chị V không có mâu thuẫn, 02 vợ chồng chưa hề to tiếng, vợ chồng yêu thương nhau. Khoảng tháng 6 năm 2022, do nghe theo bạn bè nên anh Đ mất số tiền hơn 400.000.000 đồng. Chị V và gia đình đã chi trả số tiền anh Đ bị mất. Tháng 9 năm 2022, chị V đưa con về quê ngoại ở Vĩnh Phúc và nói không trở về Hải Phòng. Anh Đ và gia đình đã lên Vĩnh Phúc để hòa giải cho 02 vợ chồng nhưng chị V không đồng ý. Sau đó anh Đ bế con để đưa về Hải Phòng thì chị V ngăn cản, do nóng tính nên anh Đ đã đánh chị V. Sau đó anh Đ cảm thấy hối hận về những việc sai trái bản thân đã làm. Hiện tại, anh Đ vẫn còn tình cảm với chị V, mong muốn được đoàn tụ gia đình nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Bùi Ngọc Đ, sinh ngày 25-12-2019 cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, anh Đ và chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Tại Biên bản do Tòa án xác minh ngày 13-4-2023 tại phường HL, quận HB thể hiện: chị Trần Thị V và anh Bùi Ngọc Đ có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hợp Châu (nay là thị trấn HC), huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 09-9-2019. Trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị V đã sống ly thân với anh Đ. Giữa anh Đ và chị V có 01 con chung là Bùi Ngọc Đ, sinh ngày 25-12-2019. Về việc chị V làm đơn ly hôn với anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.4] Qúa trình thụ lý, giải quyết vụ án, theo đề nghị của anh Đ, Tòa án đã tạo điều kiện để anh Đ có thời gian tiến hành hàn gắn mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ với chị V. Tuy nhiên, từ tháng 11 năm 2022 đến nay, anh Đ không trực tiếp gặp chị V để bàn bạc, trao đổi hoặc đưa ra các giải pháp nào để hòa giải mâu thuẫn đoàn tụ gia đình với chị V mà anh Đ chỉ liên lạc qua điện thoại. Mặt khác, chị V cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với anh Đ. Từ những phân tích và đánh

giá nêu trên, xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị Trần Thị V và anh Bùi Ngọc Đ không đạt được mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Trần Thị V yêu cầu ly hôn với anh Bùi Ngọc Đ là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị V: chị Trần Thị V được ly hôn với anh Bùi Ngọc Đ.

[4] Về con chung: chị Trần Thị V và anh Bùi Ngọc Đ có 01 con chung là Bùi Ngọc Đ, sinh ngày 25-12-2019. Hiện tại, chị V đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc Đ. Xét thấy, chị V và anh Đ đều có việc làm và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, hiện tại cháu Bùi Ngọc Đ còn rất nhỏ (sinh ngày 25-12-2019), đang do chị V chăm sóc nuôi dưỡng. Với độ tuổi hiện tại của cháu Bùi Ngọc Đ rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ. Mặt khác, chị V là bác sĩ sẽ có nhiều điều kiện để chăm sóc đến sức khỏe của con hơn anh Đ. Do đó, giao con chung Bùi Ngọc Đ cho chị Trần Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với thực tế.

[5] Việc cấp dưỡng nuôi con chung: do chị V và anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này các bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: chị Trần Thị V và anh Bùi Ngọc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: chị Bùi Thị V phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị V được ly hôn anh Bùi Ngọc Đ.

2. Về con chung: giao con chung Bùi Ngọc Đ, sinh ngày 25-12-2019 cho chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc

khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị V và anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: chị Trần Thị V và anh Bùi Ngọc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị Trần Thị V phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009566, ngày 18-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HB, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận HB;
- Chi cục THADS quận HB;
- UBND thị trấn HC, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Chung